Số: 464
Thời gian ký: 10/08/2022 16:54:35 +07:00

UBND XÃ YÊN LẠC

Biểu số 117 / CK TC- NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH(%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**210.000.000**	**6.395.500.000**	**208.755.502**	**8.451.859.727**	**99**	**132**
I	**Các khoản thu 100%**	**100.000.000**	**100.000.000**	**107.754.000**	**292.059.000**	**108**	**292**
1	Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	58.754.000	58.754.000	98	98
2	Đóng góp của nhân dân theo quy định				184.305.000		
3	Thu hồi các khoản chi năm trước						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5	Thu khác	40.000.000	40.000.000	49.000.000	49.000.000	123	123
II	**Các khoản thu phân theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**110.000.000**	**129.500.000**	**101.001.502**	**128.416.791**	**92**	**99**
1	Thuế Thu nhập cá nhân	30.000.000	49.500.000	26.049.501	37.449.550	87	76
2	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp			91.000	91.000		
3	Thuế Môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	12.300.000	12.300.000	123	123
4	Thuế sử dụng đất Nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
5	Thuế trước bạ				16.015.240		
6	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
7	Thuế GTGT	50.000.000	50.000.000	43.061.001	43.061.001	86	86
8	Thu từ đất công ích	20.000.000	20.000.000	19.500.000	19.500.000		
III	**Thu chuyển nguồn**				40.000.000		
IV	**Thu kết dư ngân sách năm trước**				**143.014.996**		
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**		**6.166.000.000**		**7.848.368.940**		127
	Thu bổ sung cân đối		5.291.000.000		4.782.301.736		90
	Thu bổ sung có mục tiêu		875.000.000		3.066.067.204		350

UBND XÃ YÊN LẠC

Biểu số 118 / CK TC- NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**10.575.605.867**	**4.529.605.867**	**6.046.000.000**	**11.262.157.063**	**4.529.605.867**	**6.732.551.196**	**106**	**100**	**111**
	Trong đó			6.046.000.000	**5.330.300.400**		6.732.551.196			**111**
1	Chi Dân Quân tự vệ	**834.081.240**		834.081.240	**396.957.000**		541.397.650	**48**		**65**
2	Chi An ninh trật tự	**502.501.464**		502.501.464	**49.018.648**		477.486.394			
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa thông tin	**17.000.000**		17.000.000	**12.600.000**		12.600.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi giáo dục thể thao	**20.000.000**		20.000.000	**40.200.000**		13.990.000	**201**		**70**
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi ĐT XDCB		4.529.605.867			4.529.605.867			**100**	
9	Chi các hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước,	**4.617.020.752**		4.393.667.296	**4.617.020.752**		5.482.510.302	**100**		**125**
10	Chi công tác xã hội	**214.504.000**		295.750.000	**214.504.000**		217.166.850	**100**		**73**
11	Chi khác	-			-	-	-			
12	Dự phòng	-			-	-	-			
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau					-	**180.000.000**			

UBND XÃ YÊN LẠC

Biểu số 120 / CK TC- NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**95.000.000**	**95.000.000**	-	**95.000.000**	**91.050.000**	-
1. Các quỹ tài chính ngoài ngân sách	**95.000.000**	**95.000.000**	-	**95.000.000**	**91.050.000**	-
1. Quỹ Tình nghĩa	19.000.000	19.000.000	-	18.210.000	18.210.000	-
2. Quỹ Vì Người nghèo	19.000.000	19.000.000	-	18.210.000	18.210.000	-
3. Quỹ Người cao tuổi	19.000.000	19.000.000	-	18.210.000	18.210.000	-
4. Quỹ Da cam	19.000.000	19.000.000	-	18.210.000	18.210.000	-
5. Quỹ Nhân đạo	19.000.000	19.000.000	-	18.210.000	18.210.000	-

UBND XÃ YÊN LẠC

Biểu số 116 / CK TC- NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**8.451.859.227**	**TỔNG SỐ CHI**	**8.421.469.520**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	236.170.791	I. Chi đầu tư phát triển	1.148.232.380
II. Các khoản thu phân theo tỷ lệ (%)	184.304.500	II. Chi thường xuyên	7.198.266.140
III. Thu bổ sung	7.848.368.940	III. Chi chuyển nguồn	
Bổ sung cân đôi	*4.782.301.736*	IV. Chi nộp trả NS cấp trên	74.971.000
Bổ sung có mục tiêu	*3.066.067.204*		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	143.014.996		
V. Thu chuyển nguồn	40.000.000		
Kết dư ngân sách	**30.389.707**		

Huyện: Phú Lương

Xã: Yên Lạc

Mẫu biểu số: 12

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2021				Nợ đọng XDCB
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
Tổng số		**6.725.499.480**	**725.886.311**	**3.703.000.000**	**1.148.232.380**	**968.457.500**	**909.302.500**	**238.929.880**	**5.577.267.100**
1. Công trình chuyển tiếp (trả nợ công trình)		**6.054.175.759**	**174.069.590**	**3.703.000.000**	**968.457.500**	**968.457.500**	**909.302.500**	**59.155.000**	**5.085.718.259**
Đường bê tông xóm Yên Thủy 2	2020	490.000.000	35.000.000	346.000.000	85.150.000	85.150.000	82.150.000	3.000.000	58.850.000
Đường bê tông xóm Tiên Thông	2020	387.524.934	26.000.000	279.000.000	78.042.500	78.042.500	78.042.500	-	30.482.434
Đường bê tông xóm Viện Tân đi xóm Đồng Bòng (giai đạn 2)	2020	499.982.807	33.000.000	301.000.000	109.110.000	109.110.000	99.110.000	10.000.000	89.872.807
Sân trung tâm văn hóa thể thao	2019	995.000.000		850.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000	-	100.000.000
Xây mới 04 phòng chức năng	2019	590.000.000		520.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	20.000.000
Nhà đình chợ xã Yên Lạc	2019	784.990.000		600.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000		129.990.000
Chợ nông thôn mới xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	2019	1.155.708.428		20.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000		635.708.428
Đường bê tông xóm Kim Lan	2020	1.051.900.000	62.000.000	706.000.000	30.000.000	30.000.000		30.000.000	315.900.000
Duy tu, sửa chữa nhà văn hóa xóm Đồng Bòng	2020	99.069.590	18.069.590	81.000.000	16.155.000	16.155.000		16.155.000	1.914.590
2. Công trình khởi công mới		**671.323.721**	**551.816.721**	**-**	**179.774.880**	**-**	**-**	**179.774.880**	**491.548.841**
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Yên Lạc, huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	2021	338.320.778	338.320.778		79.774.880	-		79.774.880	258.545.898
Đường bê tông xóm Hang Neo	2021	333.002.943	213.495.943		100.000.000	-		100.000.000	233.002.943